

## TƯ TƯỞNG CỦA PH.ĂNGGHEN SÔNG MÃI VỚI THỜI GIAN

GS, TS. NGUYỄN HÙNG HẬU<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt.** Ph.Ăngghen là nhà tư tưởng lỗi lạc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; người đồng tư tưởng, chiến hữu trung thành, người bạn không thể thay thế trong nghiên cứu khoa học và đấu tranh cách mạng của C.Mác. Ông là người cẩn thận, chu đáo, trung thực, khiêm tốn với nhiều tư tưởng thiên tài, như quan niệm về hệ thống cân bằng động con người - xã hội - tự nhiên; vấn đề khai thác, sử dụng, chinh phục giới tự nhiên; về phép biện chứng; quan niệm về sự phát triển gắn gũi với phương Đông... Những tư tưởng này hiện vẫn còn nguyên giá trị và sẽ còn có giá trị lâu dài, sống mãi với thời gian.

**Từ khóa:** giá trị; Ph.Ăngghen; tư tưởng

Ph.Ăngghen (1820 - 1895) - người bạn đồng tư tưởng, chiến hữu trung thành, người bạn không thể thay thế trong nghiên cứu khoa học và đấu tranh cách mạng của C.Mác, mà theo V.I.Lênin, tình bạn giữa hai người đã vượt xa tất cả những gì cảm động nhất trong truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người. Cùng với C.Mác, ông là những người đầu tiên đem lại cho giai cấp công nhân ý thức về địa vị của bản thân mình, về điều kiện để giải phóng mình. Có thể nói, trước khi cộng tác với C.Mác và trong 40 năm cộng tác với C.Mác, Ph.Ăngghen đã góp một phần của riêng mình vào việc xây dựng, phát triển học thuyết mác xít. Trong tác phẩm *Chống Duy - rinh*, ông nhận định: “Có thể nói rằng hầu như chỉ có Mác và tôi là những người đã cứu phép biện chứng tự giác thoát khỏi triết học duy tâm Đức và đưa nó vào trong quan niệm duy vật về

tự nhiên và về lịch sử”<sup>(1)</sup>; “cuộc bút chiến chuyển thành một sự trình bày ít nhiều có hệ thống về phương pháp biện chứng và thế giới quan cộng sản chủ nghĩa mà Mác và tôi đã đại biểu”<sup>(2)</sup>.

Ph.Ăngghen là người đầu tiên đưa ra định nghĩa về phép biện chứng và những nguyên lý của phép biện chứng duy vật. Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, ông cho rằng, công cuộc nghiên cứu lịch sử theo quan điểm duy vật, trong những giới hạn nào đó, có thể nói là của hai chúng tôi. Ông là nhà tư tưởng thiên tài nhưng vô cùng khiêm tốn, trung thực, luôn chỉ tự nhận mình là cây vĩ cầm thứ hai bên cạnh C.Mác là cây vĩ cầm thứ nhất tuyệt diệu. Trong tác phẩm *Chống Duy-rinh*, ông cho rằng, thế giới quan trình bày trong cuốn sách này một phần hết sức lớn là do C.Mác đặt cơ sở và phát triển, còn ông chỉ tham dự vào đó một phần hết sức nhỏ. Mặc dù vậy, nhiều tư tưởng của ông hiện vẫn còn

<sup>(\*)</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nguyên giá trị và sẽ còn có giá trị lâu dài, sống mãi với thời gian.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã đưa ra những ví dụ điển hình về vấn đề khủng hoảng sinh thái, từ đó dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Chẳng hạn, khi phá rừng để lấy đất trồng trọt ở Mê-xô-pô-ta-mi, Hy Lạp, Tiểu Á và một số nơi khác, họ không nghĩ rằng làm như vậy là đã phá hủy các trung tâm chứa nước, từ đó gây ra các hiện tượng lũ lụt với sức công phá mà họ không thể tưởng tượng nổi; hay những người miền núi Italia, khi phá hoại các đám rừng tùng, họ không nghĩ rằng làm như vậy là đã phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao và lại càng không nghĩ là họ đã làm cho các suối nước trên núi bị khô cạn, khi đến mùa mưa thì nước lũ của các khe suối đó lại tuôn xuống càng dữ dội hơn nữa, làm ngập cả đồng bằng. Xuất phát từ đây có thể thấy, nhiều nền văn minh, trong đó có thể có nền văn minh Maya bị diệt vong là do những nguyên nhân tương tự, làm mất cân bằng sinh thái, mất cân bằng động giữa con người, xã hội và tự nhiên.

Ph.Ăngghen cho rằng, xã hội là một bộ phận đặc biệt của giới tự nhiên, là hình thức tổ chức cao nhất trong giới tự nhiên. Theo ông, con người là kết quả của sự tiến hóa lâu dài, trải qua hàng triệu năm của thế giới vật chất, “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được”. Như vậy, con người là một bộ phận đặc biệt, hạt nhân của xã hội; đên lượt mình, xã hội lại là một bộ phận đặc biệt của giới tự nhiên; bởi vậy, dĩ nhiên, con người cũng là một bộ phận của giới tự nhiên, do đó, không thể đối lập con người với giới tự nhiên. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng, con người với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc đều thuộc về giới tự nhiên, con người nằm trong lòng giới tự nhiên. Giới tự nhiên ở Việt Nam truyền thống còn được gọi là mẹ, “mẫu”,

do đó có từ “mẫu Thoải” (mẫu chủ về sông nước), “mẫu Thượng Ngàn” (mẫu chủ ở núi rừng).

Con người nằm trong lòng giới tự nhiên cũng có nghĩa là con người nằm trong lòng mẹ, nhưng con người không phải nằm im bất động, mà phải cải tạo chinh phục giới tự nhiên, tức con người lại phải cải tạo, chinh phục mẹ. Đây chính là sự mâu thuẫn và nghịch lý nhưng bản thân sự tồn tại cũng đầy mâu thuẫn, là một nghịch lý, bởi lẽ, theo triết học, mọi sự vật, hiện tượng đều có mâu thuẫn. Giải quyết mâu thuẫn, nghịch lý này, giúp xã hội loài người phát triển. Vậy, với mâu thuẫn, nghịch lý này, loài người đã giải quyết như thế nào. Trong lịch sử, loài người đã giải quyết nó theo hai hướng.

*Hướng thứ nhất* là của phương Đông, chủ yếu về sống hài hòa, hòa đồng với thiên nhiên, với quan điểm nổi tiếng là “thuận thiên”, tức không chống đối lại thiên nhiên, sống hòa thuận với thiên nhiên, nương theo tự nhiên để hưởng trọn cái gọi là tuổi “Trời cho”. Đại diện cho xu hướng này là Lão Tử và Trang Tử, với quan điểm hòa đồng với vạn vật thì vạn vật không làm hại được mình, từ đó đưa ra quan điểm “Nhu thắng cương, nhược thắng cường, nhu nhược thắng cương cường”. Lão Tử đưa ra ví dụ, cái gì sống cũng mềm, nhu; cái gì chết cũng cứng, cương; như vậy, mềm, nhu gắn với sống; cứng, cương gắn với chết. Nhu ở đây không phải là thiếu ý chí, bảo sao nghe vậy, mà có nghĩa là đừng cưỡng lại quy luật của tự nhiên, tạo hóa, tức là thuận thiên. Nước bất tranh với mọi cái, luôn tìm chỗ thấp để ở, nên mọi cái không tranh giành với nó. Bất tranh thì không ai tranh với mình. Từ đó, Lão Tử đưa ra tư tưởng vô vi. Vô vi không có nghĩa là không làm gì cả, mà làm một cách tự nhiên, làm mà như không làm, “vô vi nhi vô bất vi”. Khuynh hướng này hay,

sâu sắc nhưng lại không thể đưa loài người tiến lên phía trước.

*Hướng thứ hai* là của phương Tây, với quan điểm nổi tiếng là “chế thiên”, tức chế ngự, cải tạo, chinh phục giới tự nhiên. Khi mới thoát thai từ động vật, con người gần như phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa thể kiểm soát. Nói cách khác, con người hoàn toàn bị người mẹ, mẫu tự nhiên chi phối. Dần dần, trong quá trình sản xuất thông qua lao động, con người học được cách cải biến, điều khiển quá trình tự nhiên trong phạm vi ngày càng mở rộng, để phục vụ cuộc sống ngày càng cao của họ. Như vậy, không chỉ tự nhiên tác động lên con người, ngược lại, bằng lao động của mình, đặc biệt là lao động sản xuất, con người ngày càng chủ động tác động cải tạo giới tự nhiên, bắt giới tự nhiên phục vụ cho mục đích của mình, tức con người thống trị giới tự nhiên.

Theo L.Phoi-ơ-bắc, con người chỉ thuần túy là sản phẩm của hoàn cảnh, giới tự nhiên. Khác với L.Phoi-ơ-bắc, C.Mác cho rằng không chỉ như vậy, con người còn cải tạo, biến đổi hoàn cảnh. Theo khuynh hướng này, con người không thỏa mãn với thế giới, mà quyết tâm cải tạo, biến đổi thế giới và con người càng cải tạo, biến đổi nhiều thế giới bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu. Như vậy, mức độ của sự tiến bộ phụ thuộc vào mức độ của sự chinh phục, cải tạo giới tự nhiên của con người. Tuy nhiên, theo hướng này, nếu không cẩn thận sẽ dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng: “con người càng cách xa con vật... bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của

mình một cách có ý thức bấy nhiêu; ảnh hưởng của những hậu quả không dự kiến trước, của những lực lượng không kiểm soát được đối với lịch sử đó, lại càng ít đi bấy nhiêu thì kết quả lịch sử lại càng phù hợp một cách chính xác hơn bấy nhiêu với mục đích đã được xác định trước. Tuy nhiên, nếu chúng ta dùng tiêu chuẩn đó để xét lịch sử của loài người, ngay cả lịch sử của những dân tộc phát triển nhất của thời đại hiện nay, thì ở đây vẫn còn có sự chênh lệch rất lớn giữa mục đích đã định trước và kết quả đã đạt được, ta vẫn thấy những hậu quả không dự kiến trước còn chiếm ưu thế, những lực lượng chưa kiểm soát được vẫn còn mạnh hơn nhiều so với những lực lượng đi theo những chương trình, kế hoạch đã định trước, và không thể nào khác được, chừng nào hoạt động lịch sử chủ yếu nhất của con người... vẫn còn chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được, và chừng nào mục đích mong muốn chỉ được thực hiện trong trường hợp ngoại lệ và cái được thực hiện thường thường lại chính là những kết quả trái ngược hẳn với mục đích ấy”<sup>(3)</sup>.

Vậy, giải quyết mâu thuẫn, nghịch lý này như thế nào? Điều này có thể tìm thấy ở những lời chỉ dẫn thiên tài của Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*. Là nhà biện chứng vĩ đại, Ph.Ăngghen cho rằng: “Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả. Hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại<sup>(4)</sup>; bởi vậy, “chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta”<sup>(5)</sup>. Điều này hoàn toàn chính xác, bởi con người - tự nhiên là một hệ thống cân bằng động, các yếu tố của nó tác động qua lại lẫn nhau, con người tác động lên tự nhiên, ngược lại, tự nhiên cũng tác động lên con người. Tuy

nhiên, do chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, nên con người thường “không lường trước được” và đôi khi nó lại phá hủy tất cả những kết quả ban đầu mà con người đã đạt được. Trong lịch sử cũng vậy, sự vật hiện tượng phát triển theo chiều hướng này, thì chiều hướng khác có lại, thậm chí teo đi. Sự phát triển của tư duy con người cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Theo Ph.Ăngghen, tư duy của người cô đại, đặc biệt là ở Hy-La, là biện chứng mang tính tự phát, mộc mạc, đơn giản, nhưng về cơ bản là đúng. Họ xem xét sự vật hiện tượng trong sự vận động, phát triển, biến đổi không ngừng, trong sự liên hệ, ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau; không có cái gì đứng yên, tồn tại độc lập tuyệt đối. Như vậy, họ đã nhìn ra cái tổng thể, nhìn ra khu rừng, nhưng còn xa mờ. Đến thế kỷ XVII - XVIII, cơ học phát triển mạnh, tư duy phân tích mô xé chiếm thế chủ đạo, người ta đi nghiên cứu từng cây, nhìn tường tận từng cây, nhưng lại quên đi khu rừng, thế là họ rơi vào siêu hình, máy móc. Ông cho rằng: “Nếu về chi tiết, chủ nghĩa siêu hình là đúng hơn so với những người Hy Lạp, thì về toàn thể những người Hy Lạp lại đúng hơn so với chủ nghĩa siêu hình”<sup>(6)</sup>.

Có thể thấy, trí tuệ của con người càng phát triển thì những tinh tế của các giác quan trong quá trình tiến hóa lại teo dần đi. Cho nên, trong tác phẩm *Lút vích Phoibắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Ph.Ăngghen đã nhận định: “Lịch sử của loài người không những có một nhánh đi lên mà còn có một nhánh đi xuống nữa”<sup>(7)</sup>. Như vậy, rõ ràng, tiến ở phía này, nhưng lại lùi ở phía khác, theo âm dương, một cách hình ảnh, thì lùi ở chỗ này, lại lôm ở chỗ khác. Con người cũng vậy, mạnh ở mặt này thì yếu ở mặt khác, “nhân vô thập toàn”. Đây chính là biện chứng của giới tự nhiên và cuộc sống.

Trong quan hệ của con người với giới tự nhiên cũng vậy, con người càng chinh phục, cải tạo được giới tự nhiên nhiều bao nhiêu thì lại càng bị giới tự nhiên trả thù nhiều

bấy nhiêu, mặc dù sự trả thù này có thể không ngay lập tức, mà theo luật “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Ph.Ăngghen nhận định: “Và những sự việc đó đã nhắc nhở chúng ta từng giờ, từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thông trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thông trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên”<sup>(8)</sup>. Như vậy, quyền hành và sự thông trị của con người đối với tự nhiên không phải là vô hạn, tuyệt đối đến nỗi làm phá vỡ hệ thống cân bằng động con người - tự nhiên. Bởi vì, con người chinh phục giới tự nhiên nhưng vẫn nằm trong lòng nó, chứ không sống bên ngoài giới tự nhiên, không phải như một kẻ xâm lược thông trị một dân tộc khác, bắt dân tộc đó làm nô lệ cho mình. Con người cai tạo, chinh phục mẹ, nhưng vẫn nằm trong lòng mẹ, bởi vậy, không được cư xử tồi tệ, quá đáng với người mẹ của mình.

Xã hội càng văn minh, con người càng phát triển thì sự tác động (cải tạo, biến đổi) của con người đối với tự nhiên càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, những tác động (cải tạo, biến đổi) đó dù có to lớn, mạnh mẽ thế nào đi nữa thì cũng không được phép vượt quá giới hạn, phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên. Bởi con người và xã hội không thể tồn tại bên ngoài giới tự nhiên. Đê tồn tại, con người và xã hội phải dựa vào tự nhiên, dựa vào thế giới vật chất, môi trường xung quanh. Ph.Ăngghen cho rằng, giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải. Sự cân bằng này có thể được chứng minh bằng những ví dụ cụ thể hằng ngày, như quá nhiều chim sẻ sẽ dẫn tới ăn nhiều thóc lúa ở ngoài đồng, nhưng nếu diệt hết chim sẻ, thì sâu bệnh lại phát triển nhanh, phá hoại mùa màng gấp nhiều lần so với chim sẻ.

Trong tự nhiên, loài này sinh ra là để cho loài khác, loài khác sinh ra lại để cho

loài khác nữa, cứ như thế cho đến loài cuối cùng sinh ra, rất có thể là để cho loài ban đầu. Đó là vòng tròn khép kín, sự cân bằng động của giới tự nhiên. Không chỉ đơn giản có một vòng tròn, có thể loài này là nhân tố của vòng tròn này, nhưng lại tham gia trong một chu trình khác, vòng tròn khác. Như vậy, trong giới tự nhiên có vô số những vòng tròn tương đối khép kín vừa giao nhau, vừa bao nhau vô cùng phức tạp, luôn vận động trong thế cân bằng, giống như sự vận động trong cân bằng của các hành tinh trong vũ trụ, khiến cho thế giới luôn biến đổi, thế giới luôn vận động.

Do vậy, việc chinh phục, cải tạo, biến đổi giới tự nhiên phải ở trong khuôn khổ cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu vì tham lam trước mắt mà phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống này thì con người sẽ phải trả giá, phải lãnh những hậu quả tai hại khó lường. Có những hậu quả trước mắt mà chúng ta có thể thấy ngay, nhưng cũng có những hậu quả lâu dài mà trải qua hàng nghìn năm mới đánh giá hết được mức độ nguy hại của nó. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng: “Nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể, trong một chừng mực nào đó, đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội của những hành động ấy”<sup>(9)</sup>.

Con người là một tiểu vũ trụ, là yếu tố đặc biệt của tự nhiên. Tự nhiên cần sự cân bằng động, quan hệ con người với giới tự nhiên cũng cần sự cân bằng động, bản thân con người cũng cần sự cân bằng động. Y học cổ truyền cho rằng, bệnh tật xuất hiện là do mất cân bằng, cụ thể là cân bằng âm dương trong con người.

Ph.Ăngghen cho rằng, trong xã hội tư bản, do lợi nhuận tối đa là mục tiêu cao

nhất, cuối cùng dẫn đến hậu quả là không quan tâm gì đến sự cân bằng sinh thái, sự hủy hoại môi trường tự nhiên, vắt kiệt mẽ tự nhiên. Các nhà khoa học Nhật Bản cho rằng, các nước tư bản tự cho mình có vai trò chính, trụ cột trong thế giới này, bất các nước khác phải theo những chuẩn mực mà họ tạo ra. Tuy nhiên, những vấn đề toàn cầu, như nạn ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng sinh thái, nếu không giải quyết được thì liệu cho phép họ tồn tại ở thế kỷ XXI hay không?

Một số nước tư bản tạo nên nền công nghiệp sạch, xanh ở trong nước, trong khi đó lại đẩy những ngành công nghiệp lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường ra bên ngoài. Làm như vậy, có giải quyết được tận gốc nạn khủng hoảng sinh thái hay không, trong khi xung quanh ô nhiễm thì nhà mình cũng không thể trong lành. Từ những phân tích trên, theo Ph.Ăngghen, dẫn đến hệ quả, logic tất yếu là để duy trì, giữ vững được hệ thống cân bằng động này, tức tạo nên sự phát triển (ngày nay gọi là bền vững), thì phải thay thế xã hội tư bản bằng một xã hội phát triển cao hơn, nhằm khắc phục sự mất cân bằng sinh thái, khôi phục hệ thống cân bằng động giữa con người - xã hội - tự nhiên, xây dựng một xã hội mà theo C.Mác là phù hợp với tính người hơn.

Ở Việt Nam, tại Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001), Đảng đã cảnh báo rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Từ đó, Đảng chủ trương phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đại hội lần thứ X của Đảng đã chỉ ra một trong những vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế cần phải phối hợp giải quyết, đó là: môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng

lượng, cạn kiệt tài nguyên.

Đại hội lần thứ XI của Đảng (năm 2011) đã đề cập đến một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh của loài người, là bảo vệ môi trường và ứng phó với những biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (năm 2013) cũng đề cập đến một trong những nội dung có liên quan đến vấn đề này. Những vấn đề mà Đảng đã cảnh báo trên đây đều bắt nguồn từ một số nguyên nhân như cạn kiệt nguồn tài nguyên, mất cân bằng sinh thái. Về nguyên nhân của hiện tượng này và giải pháp khắc phục, có thể tìm thấy từ những tư tưởng quan trọng, căn cốt trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* của Ph.Ăngghen như đã phân tích ở trên.

Tiếp thu, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Ph.Ăngghen trong điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay, để bảo vệ môi trường, khắc phục khủng hoảng sinh thái, Đại hội lần thứ XI của Đảng đưa ra 07 giải pháp. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng (năm 2016) cảnh báo nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày ngày 21/01/2016 nhận định: “Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường, tăng cường phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường”<sup>(10)</sup>.

Tài nguyên đất nước phải được đánh giá

đầy đủ, được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững; chú trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Trước mắt, tập trung xử lý hiệu quả tình trạng lũ lụt, hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn, triều cường,... đang tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất của nhân dân. Văn kiện cũng chỉ rõ: bảo vệ môi trường tự nhiên vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, cần tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn.

Những quan điểm và giải pháp này là tương đối đồng bộ, toàn diện, khả thi. Nếu làm tốt, chúng ta sẽ thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững và thế hệ sau này sẽ vô cùng biết ơn những gì chúng ta làm hôm nay.

(1), (2), (3), (6) và (9) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.31, 28, 514-515, 530 và 580.

(4), (5) và (8) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 652, 654 và 655

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, t.6, Sđd, tr. 308

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.31-32